

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 19/2018/HS-ST
Ngày: 07/9/2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK - TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Chinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa:
Ông Y Mi Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Krông Búk xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2018/TLST-HS ngày 22/8/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-HS ngày 31/8/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Tạ Văn B**; sinh năm 1980, tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn 8, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Tạ Đức S và bà Trần Thị T; bị cáo có vợ là Phùng Thị H và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo các lệnh số 565 ngày 31/7/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K; Lệnh số 06/LCCT-VKS ngày 17/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K; Lệnh số 01/LCCT-TA ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện K - Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Chu Thị Mỹ H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn 12, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt (Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Cao H, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn 12, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Văng mặt.

- Anh Nguyễn Đình V, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn 12, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Văng mặt.

- Anh Nguyễn Sĩ V, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn 8, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Văng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ sáng ngày 30/6/2018, sau khi đã uống rượu một mình tại ngã ba Coresvina, Tạ Văn B đi bộ về hướng thị xã B, khi đi ngang qua cửa hàng của chị Chu Thị Mỹ H tại thôn 12, xã P, huyện K thì B thấy 01 xe đạp điện màu đen, đỏ của chị H đang dựng phía trước cửa hàng không có người trông coi nên đã nảy sinh ý định trộm cắp đem về sử dụng, B đi đến chỗ chiếc xe thấy không có chìa khóa nên đã dắt xe ra đường Hồ Chí Minh rồi ngồi lên thả dốc đi về hướng thị xã B. Ngay lúc đó anh Nguyễn Cao H là hàng xóm chị H phát hiện liền báo cho chị H biết nên chị H tri hô người dân và gọi điện thoại báo cho em trai là Chu Thanh H, chồng là Nguyễn Đình V đến để truy đuổi B, khi B đi ra khỏi cửa hàng chị H khoảng 600m thì chị H cùng với anh V, anh H, anh Nguyễn Sĩ V bắt quả tang B cùng tang vật.

Vật chứng của vụ án: 01 xe đạp điện có màu đen, đỏ, số khung EBK 48816, số máy 1607335, ngày 11/8/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại chiếc xe đạp điện cho chị Chu Thị Mỹ H là chủ sở hữu hợp pháp.

Tại biên bản và kết luận định giá tài sản ngày 04/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện K kết luận: 01 xe đạp điện, số khung EBK 48816, số máy 1607335, tại thời điểm ngày 30/6/2018 có giá trị 8.200.000 đồng.

Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 21/QĐ-VKS ngày 21/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk đã truy tố bị cáo Tạ Văn B về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Tạ Văn B thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội đúng như Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, các chứng cứ buộc tội, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo đã giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị tuyên bố bị cáo Tạ Văn B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Tạ Văn B từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị:

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại 01 xe đạp điện có số khung EBK 48816, số máy 1607335 cho chị Chu Thị Mỹ H là chủ sở hữu hợp pháp.

- Về trách nhiệm dân sự: Chị Chu Thị Mỹ H không yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Bị cáo Tạ Văn B không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên rất ân hận và xin Thẩm phán chủ tọa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp với thời gian, địa điểm, biên bản tiếp nhận người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận khoảng hơn 11 giờ sáng ngày 30/6/2018 khi đi ngang qua cửa hàng của chị H, lợi dụng sơ hở không có người trông coi nên bị cáo đã lén lút dắt trộm chiếc xe đạp điện màu đen, đồ có trị giá 8.200.000 đồng của gia đình chị H.

Với hành vi phạm tội và hậu quả xảy ra, hành vi của bị cáo Tạ Văn B đã phạm tội *Trộm cắp tài sản*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173: Tội trộm cắp tài sản.

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo, nhận thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến trật tự trị an, với động cơ tư lợi cá nhân, mục đích muốn lấy trộm xe để làm phương tiện đi lại, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe đạp điện, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của gia đình chị H được pháp luật bảo vệ, nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội bị cáo gây ra.

[4] Về tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội thuộc trường gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã được bị hại bãi nại về trách nhiệm dân sự, trách nhiệm hình sự và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo là phù hợp.

[6] Về mức hình phạt và đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, thấy: Mức hình phạt đề nghị không quá 03 năm, bị cáo có nhân thân tốt, hành vi phạm tội của bị cáo là bột phát, nhất thời nảy sinh lòng tham, tài sản bị trộm cắp đã được thu hồi trả cho chủ sở hữu, được người bị hại bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và không thuộc những trường hợp không cho hưởng án treo theo quy định tại các Điều 2, 3 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo. Do đó, không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội vẫn đảm bảo tác dụng cải tạo, giáo dục, răn đe đối với bị cáo nên cần chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách là có căn cứ.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Chiếc xe đạp điện có số khung EBK 48816, số máy 1607335 đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp và chị H cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không giải quyết là phù hợp.

[8] Các biện pháp tư pháp:

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Cần chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại 01 xe đạp điện có số khung EBK 48816, số máy 1607335 cho chị H là chủ sở hữu hợp pháp.

[9] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cần buộc bị cáo Tạ Văn B phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Tạ Văn B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Tạ Văn B **09** (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **01** (một) năm **06** (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Giao bị cáo Tạ Văn B cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

“*Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo*”.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Tài sản bị trộm cắp đã được trả lại cho chị Chu Thị Mỹ H là chủ sở hữu hợp pháp, chị H không có yêu cầu bồi thường nên không giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại 01 xe đạp điện màu đen, đỏ, có số khung EBK 48816, số máy 1607335 cho chị Chu Thị Mỹ H là chủ sở hữu hợp pháp (*Theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 11/8/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk*).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo Tạ Văn B phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Công an huyện K;
- Cơ quan THA hình sự huyện K;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- UBND xã P, huyện K;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu HS-VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Vân

